

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-03-2024.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Lê Hoàng Vũ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:* Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2023/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1989 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Khu vực Thới H, phường Thới An Đ, quận Bình Th, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp Lê Minh B, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Th, Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc K và anh Nguyễn Văn T (Sau đây gọi tắt là chị Ku, anh T) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 23/8/2011. Vợ chồng chị K, anh T chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Anh T không lo làm ăn mà thường có tính ghen tuông vô cớ, dẫn đến anh T dùng lời xúc phạm, bạo lực đối với chị K. Nhiều lần vợ chồng chị K, anh T hàn gắn nhưng không thành, nên sống ly thân từ tháng 06/2023 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đồng thời anh T còn kêu chị K nộp đơn ly hôn tại Tòa án, hiện vợ chồng không còn tình cảm, nếu tiếp tục kéo dài chỉ làm cả hai đau khổ, sẽ làm ảnh hưởng cho các con nhỏ, chị K yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị K, anh T có 02 người con chung Nguyễn Ngọc Minh Thu, sinh ngày 08/10/2011 và Nguyễn Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 05/12/2017 (Hiện các con đang sống với chị K). Vợ chồng ly hôn chị K yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu đơn khởi kiện, kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh T, do thời gian chung sống vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, anh T có tính gia trưởng, ghen tuông vô cớ, từ đó anh dùng lời xúc phạm, bạo lực đối với chị K; ly thân từ tháng 06/2023 đến nay anh T bỏ mặc không quan tâm chị và các con.

Về con chung: Chị K yêu cầu được nuôi 02 người con chung Nguyễn Ngọc Minh Thu và Nguyễn Ngọc Bảo Châu không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị K làm nghề buôn bán trái cây bình quân thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đ/tháng, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

Chia tài sản chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Thành được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án anh

Thình không phản tố, không ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị K. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh T. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn, nuôi con chung của vợ chồng được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Xét nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị K, HĐXX nhận thấy:

Về hôn nhân: Chị K, anh T tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 23/08/2011, nên hôn nhân của chị K, anh T là hợp pháp. Lý do chị K xin ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng chị K, anh T luôn bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Anh T có tính gia trưởng, ghen tuông, dẫn đến anh dùng lời xúc phạm, bạo lực đối với chị K. Nhiều lần chị K, anh T hàn gắn nhưng không thành nên anh, chị ly thân từ tháng 06/2023 đến nay. Tình trạng hôn nhân của chị K, anh T cũng được chính quyền địa phương xác nhận là đúng.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị K, anh T là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống trong gia đình, đáng lẽ ra các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc, để thông cảm, tha thứ, cũng như chia sẻ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại quyết định sống ly thân nhau, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị K kiên quyết xin ly hôn với anh T, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị K, anh T không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho chị K được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị K, anh T có 02 người con chung Nguyễn Ngọc Minh Thư và Nguyễn Ngọc Bảo Châu chị Kiều yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai của cháu Minh Thư có nguyện vọng được sống với chị K khi cha ly hôn. HĐXX nhận thấy: Chị K, anh T ly

thân từ tháng 6/2023 đến nay con chung Minh Thư và Bảo Châu do chị K chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và cho đi học, cháu đã thích nghi với bạn bè và môi trường sống bên chị K. Chị K làm nghề buôn bán trái cây thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng. Nhằm để đảm bảo mọi quyền lợi cho các cháu Tòa án nhiều lần triệu tập anh T nhưng anh vắng mặt, không ý kiến, HĐXX thiết nghĩ giao con chung Minh Thư, Bảo Châu cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Minh Thư. Anh T không cấp dưỡng nuôi con, do chị K không yêu cầu.

Về chia tài sản chung: Chị K, anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[4]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003000 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 20014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc K và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Minh Thư, sinh ngày 08/10/2011 và Nguyễn Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 05/12/2017 (Hiện các con đang sống với chị K) cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị K, anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003000 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng